

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày: 23- 04- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc PH

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Nhân

Bà Bò Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đ Thu Thủy –Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tri - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Bùi Thị Anh Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30-01-1998 tại huyện VC, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKNKTT: Thôn KS, xã TT, huyện VC, tỉnh Yên Bái; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Bố đẻ Bùi Đồng V sinh năm 1972, mẹ đẻ Trịnh Thị L, sinh năm 1975, đều trú tại: Thôn KS, xã TT, huyện VC, tỉnh Yên Bái; Có chồng là Hà Mạnh H(Đã ly hôn) và có hai con, con lớn sinh 2017 hiện đang ở cùng bố tại tổ dân phố PS, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; con thứ hai sinh năm 2020 hiện đang ở cùng mẹ tại Thôn KS, xã TT, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Thôn KS, xã TT, huyện VC, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1979.

Trú tại: Tổ 15, phường TB, quận LB, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị N- sinh năm 1981.

Trú tại: Tổ 4, phường NTH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1976.

Trú tại: Tổ dân phố HT, phường HH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh Đỗ Đình P, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ dân phố 1, thị trấn IK, huyện IG, tỉnh Gia Lai.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố HT, phường HH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thùy D, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn LA, xã HK, HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Anh Đ là nhân viên kế toán của trang trại, khoảng đầu tháng 4-2023, Bùi Thị Anh Đ vào phòng làm việc của Nguyễn Thành P là chủ trang trại để dọn dẹp, phát hiện thấy tại ngăn kéo của tủ kê kê gần đầu giường có 02 chiếc nhẫn (01 nhẫn gắn đá màu trắng hình vuông; 01 nhẫn gắn đá màu đỏ hình bầu dục) và 01 chiếc hoa tai để trên tủ đầu giường, nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 06-4-2023, lợi dụng không có ai xung quanh Đ vào trong phòng làm việc của anh Plấy toàn bộ tài sản gồm 02 nhẫn và 01 hoa tai cất vào túi áo, cùng ngày Đ một mình đi đến cửa hàng vàng bạc HD thuộc Tổ dân phố HT, phường HH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái bán cho cửa hàng 01 nhẫn có gắn viên đá màu trắng hình vuông được 5.000.000 đồng, do cửa hàng chỉ mua vàng mà không mua đá nên Đ đã bỏ viên đá lại tại cửa hàng, sau khi dọn hàng cửa hàng đã bỏ viên đá đi (Không thu hồi được), sau khi bán nhẫn Đ lấy 1.000.000 đồng tiền mặt còn lại 4.000.000 đồng Đ nhờ cửa hàng chuyển vào số tài khoản của bạn là Đỗ Đình Pnhờ giữ hộ. Tiếp đó đến ngày 07-4-2023 Đ mang chiếc nhẫn có gắn viên đá màu đỏ hình bầu dục đến cửa hàng trang sức “PA” địa chỉ Tổ 4, phường NTH, thành phố YB bán được 7.030.000 đồng, do cửa hàng không mua đá gắn trên mặt nhẫn nên Đ mang về phòng trọ của bạn là Phạm Thùy D thuộc tổ 4, phường ĐT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái cất giữ và lấy số tiền 4.000.000 đồng đến Nhànng BIDV phòng giao dịch NCchuyển vào tài khoản của Đỗ Đình P, số tiền còn lại Đ tiêu sài cá nhân hết.

Đối với chiếc hoa tai Đ khai nhận đã làm rơi mất, không thu hồi được.

Tại bản kết luận giám định số 4453/KL-KTHS ngày 26-6-2023 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận đối tượng giám định 01 viên đá màu đỏ hình bầu dục có khối lượng 10,17 gam là ruby tự nhiên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 31-7-2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng Hình sự huyện TYkết luận: 01 viên đá màu đỏ hình bầu dục có khối lượng 10,17 gam là ruby tự nhiên, tại thời điểm định giá có giá là 5.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 30-01-2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện TY kết luận: Định giá 01 nhẫn vàng loại 10K, nhẫn có khối lượng 3,7 chỉ, tại thời điểm định giá ngày 06-4-2023 có giá trị là 8.704.250 đồng; Định giá 01 nhẫn vàng tây loại 10K, nhẫn nam khối lượng 2,7 chỉ tại thời điểm định giá ngày 06-4-2023 có giá trị là 6.351.750 đồng. Tổng giá trị tài sản là 15.056.000 đồng.

Đối với viên đá màu trắng hình vuông gắn trên chiếc nhẫn và chiếc hoa tai cơ quan điều tra không thu giữ được, bị hại cũng không chứng minh được đặc điểm và giá trị của tài sản nên không có cơ sở để định giá và xác định giá trị của tài sản bị thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị Anh Đ khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản là đúng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSTY ngày 06-03-2024 của Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI truy tố bị cáo Bùi Thị Anh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY luận tội đối với bị cáo giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Anh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Anh Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo là lao động tự do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền còn lại 6.000.000 đồng thu giữ được của Bùi Thị Anh Đ và 01 viên đá ruby màu đỏ quá trình điều tra đã trả lại cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thành P đã nhận lại số tiền 6.000.000 đồng và 01 viên đá ruby màu đỏ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận tội và nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và xin được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 06-4-2023 tại phòng riêng trong trang trại của anh Nguyễn Thành P ở tại thôn Đất Đen, xã Cường Thịnh, HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI, Bùi Thị Anh Đ lợi dụng sự sơ hở, buông lỏng quản lý tài sản của anh Nguyễn Thành P đã lén lút chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn vàng, gồm: 01 nhẫn gắn đá màu trắng hình vuông và 01 nhẫn gắn đá màu đỏ hình bầu dục, trong đó có 01 nhẫn vàng tây loại 10K, nhẫn nam khối lượng 2,7 chỉ; 01 nhẫn vàng loại 10K, nhẫn nam có khối lượng 3,7 chỉ; 01 viên đá ruby màu đỏ hình bầu dục có khối lượng 10,17 gam. Tổng giá trị tài sản là 20.056.000 đồng và 01 chiếc hoa tai nhưng bị cáo đã đánh mất nên không xác định được giá trị.

Xét thấy, bị cáo Bùi Thị Anh Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Nên cần thiết phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị Anh Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị Anh Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Bùi Thị Anh Đ không có tài sản, nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với những người khác: Đối với Hoàng Thị H là người đã mua chiếc nhẫn gắn đá màu trắng hình vuông; Nguyễn Thị N là người đã mua chiếc nhẫn có gắn viên đá ruby màu đỏ hình bầu dục. Quá trình điều tra đã làm rõ H và N đều không biết nhẫn là do bị cáo trộm cắp mà có, nên bà N và bà H không bị xử lý về hình sự là phù hợp.

Đối với Phạm Thùy D là người cho Đ ở nhờ và không biết việc Đ mang viên đá đỏ ruby là tài sản do trộm cắp mà có về để tại nhà D: và Đỗ Đình Plà bạn của bị cáo Đ có nhận hai lần tiền do Đ chuyển đến số tài khoản của mình, nhưng không biết đó là tiền do trộm cắp mà có, nên Phú và D không bị xử lý về hình sự là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thành P đã nhận lại số tiền 6.000.000 đồng, 01 viên đá ruby màu đỏ hình bầu dục và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Đối với 02 chiếc nhẫn vàng loại 10k; 01 viên đá màu trắng hình vuông; 01 chiếc hoa tai. Cơ quan điều tra không thu hồi được, nên không có cơ sở xử lý trong cùng vụ án.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng và 01 viên đá ruby màu đỏ thu giữ của bị cáo là vật chứng vụ án đã được trả lại cho bị hại là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Thị Anh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Anh Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Anh Đ 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Thị Anh Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án, quyết định về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Công an huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; Bị hại, NCQLNVLQ;
- THA hình sự (02);
- Lưu: HSVA, TA.

Nguyễn Ngọc PH

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Công an huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- THA hình sự (02);
- Lưu: HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc PH